

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; số 03/2025/TT-VPCP hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 15/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 42/TTr-SNNMT ngày 21/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn (Có quy trình chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trên cơ sở quy trình nội bộ được phê duyệt tại Quyết định này xây

dựng, cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các quy trình nội bộ sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực:

1. Quy trình nội bộ thủ tục hành chính có số thứ tự 02 Mục A Phần I tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 766/QĐ-UBND ngày 28/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Kiểm lâm, Lâm nghiệp, Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.

2. Quy trình nội bộ thủ tục hành chính có số thứ tự 01, 02, 03 Mục A Phần I tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 1468/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Lạng Sơn.

3. Quy trình nội bộ thủ tục hành chính có số thứ tự 01 Mục A Phần I tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 1550/QĐ-UBND ngày 07/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

4. Quy trình nội bộ thủ tục hành chính có số thứ tự 01 Phần I tại Phụ lục II, số thứ tự 01, 02, 03, 04 Tiểu mục I và số thứ tự 01, 02 Tiểu mục II Mục A Phần I tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 1561/QĐ-UBND ngày 09/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Lâm nghiệp và kiểm lâm, Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Thanh Nhân

Phụ lục I

DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LẠNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Phần I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XÂY DỰNG QUY TRÌNH NỘI BỘ THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA (05 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm (04 TTHC)	
1	Cấp, cấp lại mã số rừng sản xuất là rừng trồng	
2	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	
3	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp	
4	Xác nhận bảng kê lâm sản	
II	Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (01 TTHC)	
1	Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	

Phần II
QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA

CÁC CỤM TỪ VIẾT TẮT:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công: TTPVHCC
- Công chức Bộ phận Một cửa: CCMC
- Thủ tục hành chính: TTHC
- Chi cục Kiểm lâm: CCKL
- Kiểm lâm: KL
- Nông nghiệp và Môi trường: NN&MT
- Sử dụng và phát triển rừng: SD&PTR
- Quản lý, bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên: QLBRV&BTNN

I. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM (04 TTHC)

1. Cấp, cấp lại mã số rừng sản xuất là rừng trồng

Thời gian thực hiện TTHC: 10 ngày làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ theo quy định; lập Phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo Phòng SD&PTR, Chi cục Kiểm lâm	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	0,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	0,5 ngày
B3	Tham mưu xử lý hồ sơ: kiểm tra thông tin hồ sơ; thực hiện xác minh, đối chiếu dữ liệu theo quy định; tham mưu việc cấp/cấp lại mã số rừng sản xuất là rừng trồng; thực hiện cập nhật dữ liệu và gắn mã số QR cho mã số được cấp; dự thảo văn bản xử lý theo quy định	Công chức Phòng SD&PTR	6,5 ngày
B4	Xem xét nội dung tham mưu; kiểm soát hồ sơ; trình Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	01 ngày
B5	Xem xét, quyết định cấp/cấp lại mã số rừng sản xuất là rừng trồng	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	01 ngày
B6	Phát hành Quyết định cấp/cấp lại mã số rừng sản xuất là rừng trồng; chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ HCC	Văn thư Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; cập nhật trạng thái, thống kê, theo dõi hồ sơ	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			10 ngày làm việc

2. Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp

Thời gian thực hiện TTHC: 14 ngày làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ theo quy định; lập Phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; nhập hồ sơ điện tử; chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo Phòng SD&PTR, Chi cục Kiểm lâm.	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	0,25 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	0,25 ngày
B3	Tham mưu thẩm định hồ sơ: rà soát nội dung hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu thì tham mưu văn bản thông báo nêu rõ lý do; trường hợp hồ sơ cần giải trình, bổ sung thì tham mưu văn bản thông báo theo quy định; trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu thì dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định	Công chức Phòng SD&PTR	2,5 ngày
B4	Xem xét nội dung tham mưu; kiểm soát hồ sơ; trình Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	0,5 ngày
B5	Xem xét, quyết định thành lập Hội đồng thẩm định	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày
B6	Tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra hiện trường; lập biên bản và báo cáo thẩm định theo tiêu chuẩn quốc gia	Hội đồng thẩm định	08 ngày
B7	Xem xét báo cáo thẩm định; quyết định công nhận hoặc không công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	1,5 ngày
B8	Phát hành văn bản; chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ HCC.	Văn thư Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; cập nhật	CCMC tại	Không tính

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	trạng thái, thống kê, theo dõi hồ sơ	TTPVHCC tỉnh/ xã, phường	thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		14 ngày làm việc

3. Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp

Thời gian thực hiện TTHC: 04 ngày làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ theo quy định; lập Phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; nhập hồ sơ điện tử; chuyển hồ sơ đến lãnh đạo Phòng SD&PTR, Chi cục Kiểm lâm	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	0,25 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	0,25 ngày
B3	Tham mưu thẩm định hồ sơ: kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì tham mưu văn bản thông báo nêu rõ lý do; trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu thì tham mưu dự thảo Báo cáo kết quả thẩm định của Chi cục Kiểm lâm và dự thảo Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp	Công chức Phòng SD&PTR	2,5 ngày
B4	Xem xét nội dung tham mưu; kiểm soát hồ sơ; trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày
B5	Xem xét, quyết định cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp hoặc văn bản không cấp	Lãnh đạo Sở NN&MT	0,5 ngày
B6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; cập nhật trạng thái, thống kê, theo dõi hồ sơ	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		04 ngày làm việc

4. Xác nhận bảng kê lâm sản

4.1. Trường hợp không phải xác minh

Thời gian thực hiện TTHC: 02 ngày làm việc x 08 giờ = 16 giờ làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do; trường hợp hồ sơ hợp lệ thì ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm	Văn thư/công chức Hạt Kiểm lâm	02 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm	03 giờ
B3	Thẩm định nội dung hồ sơ; báo cáo kết quả thẩm định; trình Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm xem xét	Bộ phận QLVR&BTTN – Hạt Kiểm lâm	08 giờ
B4	Xác nhận bảng kê lâm sản; xác nhận lâm sản tồn vào sổ theo dõi (<i>đối với hồ sơ nộp bản giấy</i>)	Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm	03 giờ
B5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; thống kê, theo dõi hồ sơ	Văn thư/công chức Hạt Kiểm lâm	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			16 giờ

4.2. Trường hợp phải xác minh

- **Trường hợp 1:** Trường hợp phải xác minh

Thời gian thực hiện TTHC: 03 ngày làm việc x 08 giờ = 24 giờ làm việc.

- **Trường hợp 2:** Trường hợp xác minh có nhiều nội dung phức tạp

Thời gian thực hiện TTHC: 04 ngày làm việc x 08 giờ = 32 giờ làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			TH1	TH2
B1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do; trường hợp hồ sơ hợp lệ thì ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm	Văn thư/công chức Hạt Kiểm lâm	02 giờ	02 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			TH1	TH2
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm	03 giờ	03 giờ
B3	Thẩm định nội dung hồ sơ; thông báo cho chủ lâm sản về việc cơ quan Kiểm lâm sở tại tiến hành xác minh nguồn gốc lâm sản.	Bộ phận QLVR&BTTN – Hạt Kiểm lâm	08 giờ	08 giờ
B4	Tiến hành xác minh nguồn gốc lâm sản; lập biên bản xác minh; báo cáo kết quả, trình Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm xem xét xác nhận hoặc ban hành văn bản thông báo không xác nhận.	Bộ phận QLVR&BTTN – Hạt Kiểm lâm	08 giờ	16 giờ
B5	Xem xét, xác nhận bảng kê lâm sản; xác nhận lâm sản tồn trong sổ theo dõi hoặc ký ban hành văn bản thông báo không xác nhận.	Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm	03 giờ	03 giờ
B6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; thống kê, theo dõi hồ sơ.	Văn thư/công chức Hạt Kiểm lâm	Không tính thời gian	
Tổng thời gian giải quyết			24 giờ	32 giờ

II. LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC (01 TTHC)

1. Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ

Thời gian thực hiện TTHC: 15 ngày làm việc.

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ theo quy định; lập Phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Phòng QLVR & BTTN	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVR & BTTN	1/4 ngày
B3	Thẩm tra hồ sơ; kiểm tra tính hợp pháp nguồn gốc mẫu vật; đối chiếu Sổ theo dõi	Công chức Phòng QLVR &	11 ngày

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 09+10/ Ngày 12-02-2026

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	nuôi, trồng; đánh giá nội dung Thỏa thuận trao đổi, tặng cho; dự thảo Giấy phép hoặc văn bản từ chối (nêu rõ lý do)	BTTN	
B4	Xem xét nội dung tham mưu; kiểm soát hồ sơ; trình Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Lãnh đạo Phòng QLBR & BTTN	01 ngày
B5	Kiểm tra, xem xét hồ sơ; trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	01 ngày
B6	Xem xét, ký cấp Giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; trường hợp không cấp thì ký văn bản trả lời, nêu rõ lý do	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B7	Đóng dấu, phát hành văn bản; chuyển kết quả đến Trung tâm PVHCC.	Văn thư Sở	1/2 ngày
B8	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê, theo dõi.	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			15 ngày làm việc

Phụ lục II

DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LẠNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 22 /01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Phần I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XÂY DỰNG QUY TRÌNH NỘI BỘ THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG (07 TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
I	Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm (03 TTHC)	
01	Nộp tiền trồng rừng thay thế.	- Tỉnh Lạng Sơn: UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh, Chi cục Kiểm lâm. - Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam; - Địa phương tiếp nhận trồng rừng thay thế: UBND cấp tỉnh, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh.
02	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES.	Chi cục Kiểm lâm; Sở Nông nghiệp và Môi trường; các cơ quan liên quan.
03	Cấp sửa đổi, bổ sung thông tin mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES.	
II	Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (04 TTHC)	
01	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học.	Chủ tịch UBND tỉnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường; cơ quan liên quan tham gia Hội đồng thẩm định.
02	Phê duyệt Phương án khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên.	Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường.
03	Thả động vật nuôi sinh sản tại cơ sở nuôi, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học về môi trường tự nhiên.	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Cơ quan khoa học CITES, cơ quan quản lý nhà nước, chuyên gia có liên quan và cơ quan có thẩm quyền.
04	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học.	Chủ tịch UBND tỉnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường; cơ quan liên quan tham gia Hội đồng thẩm định.

Phần II
QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG

CỤM TỪ VIẾT TẮT:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công: TTPVHCC
- Công chức Bộ phận Một cửa: CCMC
- Thủ tục hành chính: TTHC
- Ủy ban nhân dân: UBND
- Kiểm lâm: KL
- Công chức: CC
- Nông nghiệp và Môi trường: NN&MT
- Sử dụng và phát triển rừng: SD&PTR
- Quản lý bảo vệ rừng và BTTN: QLBVR&BTTN

I. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM (03 TTHC)

1. Nộp tiền trồng rừng thay thế

1.1. Trường hợp nộp tiền trồng rừng thay thế tại địa phương nơi thực hiện dự án

Thời gian thực hiện TTHC: 18 ngày làm việc, trong đó:

- Thời gian thực hiện của cơ quan nhà nước trong quy trình: 08 ngày làm việc.

- Thời gian không đưa vào quy trình: 10 ngày làm việc, cụ thể:

+ Chủ đầu tư dự án nộp đủ số tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế.

+ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh thông báo cho chủ đầu tư dự án về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền trồng rừng thay thế: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ tiền.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ theo quy định; lập Phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo Phòng SD&PTR.	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường.	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ.	Lãnh đạo Phòng SD&PTR.	1/4 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B3	- Tham mưu thẩm tra hồ sơ; xác định diện tích phải trồng rừng thay thế, mức tiền trồng rừng thay thế phải nộp theo đơn giá của tỉnh; dự thảo Tờ trình đề xuất UBND tỉnh chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế tại địa phương.	Chuyên viên phòng SD&PTR	03 ngày
B4	Xem xét nội dung tham mưu; kiểm soát hồ sơ; trình Lãnh đạo Chi cục KL	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	1/4 ngày
B5	Kiểm tra, xem xét hồ sơ; trình Lãnh đạo Sở NN&MT.	Lãnh đạo Chi cục KL	1/2 ngày
B6	Xem xét hồ sơ; ký Tờ trình đề nghị UBND tỉnh chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế.	Lãnh đạo Sở NN&MT	1/2 ngày
B7	Phát hành văn bản.	Văn thư Sở NN&MT	1/4 ngày
B8	Xem xét, quyết định chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế; chuyển kết quả về TTPVHCC.	Chủ tịch UBND tỉnh	03 ngày
B9	Trả kết quả cho chủ đầu tư; cập nhật trạng thái hồ sơ trên Hệ thống Một cửa điện tử.	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời hạn
Tổng thời gian thực hiện của cơ quan nhà nước			08 ngày làm việc

1.2. Trường hợp bố trí thực hiện trồng rừng thay thế tại địa phương khác

- Thời gian thực hiện TTHC: 27 ngày làm việc.

- Các trường hợp phát sinh sau khi có văn bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường gửi Ủy ban nhân dân tỉnh nơi đề nghị nộp tiền về việc bố trí thực hiện trồng rừng thay thế tại địa phương khác không tính vào thời hạn giải quyết TTHC:

+ Trường hợp số tiền phải nộp theo đơn giá của tỉnh nơi tiếp nhận cao hơn số tiền đã nộp: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền thông báo cho chủ đầu tư dự án; trong thời hạn 07 ngày làm việc, chủ đầu tư dự án phải nộp bổ sung số tiền chênh lệch.

+ Trường hợp số tiền phải nộp theo đơn giá của tỉnh nơi tiếp nhận thấp hơn số tiền đã nộp: trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản thông báo, Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh nơi tiếp nhận hoàn trả số tiền chênh lệch và tiền lãi cho chủ đầu tư.

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 09+10/ Ngày 12-02-2026

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ theo quy định; lập Phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo Phòng SD&PTR, Chi cục KL tỉnh Lạng Sơn	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	1/4 ngày
B3	Tham mưu thẩm tra hồ sơ; xác định nhu cầu bố trí trồng rừng thay thế tại địa phương khác; dự thảo Tờ trình đề xuất UBND tỉnh có văn bản đề nghị Bộ NN&MT chấp thuận	Chuyên viên Phòng SD&PTR	03 ngày
B4	Xem xét, kiểm soát nội dung tham mưu; trình Lãnh đạo Chi cục KL	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	0,5 ngày
B5	Kiểm tra, xem xét hồ sơ; trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Chi cục KL	0,5 ngày
B6	Xem xét hồ sơ; ký Tờ trình đề nghị UBND tỉnh có văn bản đề nghị Bộ NN&MT chấp thuận bố trí trồng rừng thay thế tại địa phương khác	Lãnh đạo Sở NN&MT tỉnh Lạng Sơn	0,5 ngày
B7	Xem xét, ký văn bản đề nghị Bộ NN&MT chấp thuận bố trí trồng rừng thay thế tại địa phương khác	Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn	03 ngày
B8	Xem xét văn bản đề nghị; có văn bản đề nghị UBND tỉnh nơi tiếp nhận cung cấp thông tin về địa điểm, diện tích, đơn giá trồng rừng thay thế	Bộ NN&MT	05 ngày
B9	Xem xét, xác nhận việc bố trí diện tích, loại rừng, địa điểm, đơn giá, kinh phí trồng rừng thay thế; gửi Bộ NN&MT	Chủ tịch UBND tỉnh (nơi tiếp nhận trồng rừng)	08 ngày
B10	Có văn bản gửi UBND tỉnh nơi đề nghị nộp tiền về việc bố trí thực hiện trồng rừng tại địa phương khác	Bộ NN&MT	03 ngày
B11	Chuyển tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng	Quỹ BV&PTR tỉnh Lạng Sơn	03 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B12	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê, theo dõi.	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời hạn
Tổng thời gian thực hiện			27 ngày làm việc

2. Nhóm 02 TTHC:

2.1. Đăng ký mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES

2.2. Cấp sửa đổi, bổ sung thông tin mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES (Trường hợp cơ sở nuôi, cơ sở trồng đã được cấp mã số có thay đổi, bổ sung thông tin về địa điểm mục đích, hình thức, quy mô nuôi, trồng hoặc bổ sung loài nuôi, trồng hoặc thay đổi Phụ lục CITES, Nhóm loài)

a) Trường hợp 1: Không cần kiểm tra thực tế không bao gồm:

- Nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam;

- Nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I CITES để xuất khẩu vì mục đích thương mại).

-Thời gian thực hiện TTHC: 03 ngày làm việc x 08 giờ = 24 giờ làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ, giấy biên nhận và hẹn trả kết quả: + Không phải loài thủy sản: Chuyển đến Lãnh đạo Phòng QL BVR&BTTN, Chi cục Kiểm lâm. + Loài thủy sản: Chuyển đến Lãnh đạo Phòng CN,TS&TY, Sở NN&MT	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	02 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QL BVR&BTTN, Chi cục KL/Lãnh đạo Phòng CN,TS&TY	01 giờ
B3	Kiểm tra, thẩm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ: tham mưu văn bản thông báo, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: tham mưu dự thảo văn bản cấp mã số hoặc văn bản thông báo không cấp mã số.	Công chức phòng QL BVR&BTTN, Chi cục KL/Công chức phòng CN,TS&TY	12 giờ

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 09+10/ Ngày 12-02-2026

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B4	Kiểm soát hồ sơ và dự thảo văn bản; trình Lãnh đạo Chi cục KL/Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng QL BVR&BTTN / Lãnh đạo Phòng CN,TS&TY	04 giờ
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản; chuyển Văn thư phát hành	Lãnh đạo Chi cục KL/Lãnh đạo Sở NN&MT	04 giờ
B6	Đóng dấu, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Bộ phận Văn thư	01 giờ
B7	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê, theo dõi.	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			24 giờ

b) Trường hợp 2: Cần kiểm tra thực tế không bao gồm:

- Nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam;

- Nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I CITES để xuất khẩu vì mục đích thương mại.

- Thời gian thực hiện TTHC: 15 ngày làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ, giấy biên nhận và hẹn trả kết quả: + Không phải loài thủy sản: Chuyển đến Lãnh đạo Phòng QL BVR&BTTN, Chi cục Kiểm lâm. + Loài thủy sản: Chuyển đến Lãnh đạo Phòng CN,TS&TY, Sở NN&MT	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QL BVR&BTTN/Lãnh đạo Phòng CN,TS&TY	1/2 ngày
B3	Kiểm tra, thẩm tra hồ sơ; xây dựng kế hoạch và thực hiện kiểm tra thực tế cơ sở nuôi, trồng tham mưu dự thảo văn bản cấp mã số hoặc văn bản thông báo không cấp mã số.	Công chức phòng QL BVR&BTTN/Công chức phòng CN,TS&TY	10 ngày
B4	Kiểm soát hồ sơ và dự thảo văn bản; trình Lãnh đạo Chi cục KL/Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng QL BVR&BTTN/Lãnh đạo Phòng CN,TS&TY	02 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản	Lãnh đạo Chi cục KL/Lãnh đạo Sở NN&MT	1,5 ngày
B6	Đóng dấu, phát hành văn bản; chuyển	Bộ phận Văn thư.	1/2 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	kết quả đến TPVHCC.		
B7	Trả kết quả giải quyết; thống kê, theo dõi.	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường.	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		15 ngày làm việc

c) Trường hợp 3: Cần tham vấn Cơ quan khoa học CITES Việt Nam hoặc cần tham vấn Cơ quan khoa học CITES Việt Nam đồng thời cần kiểm tra thực tế (không bao gồm Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I CITES để xuất khẩu vì mục đích thương mại).

- Thời gian thực hiện TTHC:

+ Trường hợp 1: Không cần kiểm tra thực tế: 10 ngày làm việc.

+ Trường hợp 2: Cần kiểm tra thực tế: 15 ngày làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			TH1	TH2
B1	- Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ, giấy biên nhận và hẹn trả kết quả: + Không phải loài thủy sản: Chuyển đến Lãnh đạo Phòng QL BVR&BTTN, Chi cục Kiểm lâm. + Loài thủy sản: Chuyển đến Lãnh đạo Phòng CN,TS&TY, Sở NN&MT	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	1/4 ngày	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QL BVR&BTTN/Lãnh đạo Phòng CN,TS&TY	1/2 ngày	1/2 ngày
B3	Kiểm tra, thẩm tra hồ sơ; tham mưu xử lý: - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ: tham mưu văn bản thông báo, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: + Tham mưu lấy ý kiến xác nhận của Cơ quan khoa học CITES Việt Nam về việc nuôi, trồng không làm ảnh hưởng đến sự tồn tại của loài và các loài liên quan trong tự nhiên (<i>gửi văn bản đề nghị trong 02 ngày, nhận ý kiến trả lời trong 06 ngày</i>). + Kiểm tra thực tế (đối với TH2). + Xây dựng dự thảo văn bản cấp mã số hoặc văn bản thông báo không cấp mã số.	Chuyên viên Phòng QL BVR&BTTN, CCKL/Phòng CN,TS&TY	7,5 ngày	12,5 ngày
B4	Kiểm tra hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo CCKL/Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng QL BVR&BTTN,	1/2 ngày	1/2 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian thực hiện	
		CCKL/Phòng CN,TS&TY		
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản	Lãnh đạo CCKL/Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày	01 ngày
B6	Đóng dấu, chuyển văn bản cho TTPVHCC	Bộ phận Văn thư	1/4 ngày	1/4 ngày
B7	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê, theo dõi	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời gian	
Tổng thời gian thực hiện			10 ngày	15 ngày

d) Trường hợp 4: Nuôi, trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục I CITES để xuất khẩu vì mục đích thương mại.

- Thời gian thực hiện TTHC: 16 ngày làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ, giấy biên nhận và hẹn trả kết quả: + Không phải loài thủy sản: Chuyển đến Lãnh đạo Phòng QL BVR&BTTN, Chi cục Kiểm lâm. + Loài thủy sản: Chuyển đến Lãnh đạo Phòng CN,TS&TY, Sở NN&MT	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QL BVR&BTTN/Lãnh đạo Phòng CN,TS&TY	1/4 ngày
B3	Kiểm tra, thẩm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ: tham mưu văn bản thông báo, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: + Kiểm tra thực tế cơ sở nuôi, trồng (nếu cần); + Tham mưu gửi hồ sơ đến Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam để trình Ban Thư ký CITES; + Tham mưu lấy ý kiến xác nhận của Cơ quan khoa học CITES Việt Nam (đối với loài không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu đăng ký nuôi, trồng).	Công chức Phòng QL BVR&BTTN/ Phòng CN,TS&TY	9,5 ngày
B4	Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam gửi hồ sơ cho Ban Thư ký	Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt	02 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	CITES	Nam	
B5	Ban Thư ký CITES gửi văn bản trả lời	Ban Thư ký CITES	Không tính thời gian
B6	Thông báo bằng văn bản cho cơ quan cấp mã số	Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam	02 ngày
B7	Tổng hợp hồ sơ; dự thảo văn bản xử lý (cấp mã số hoặc không cấp mã số); trình Lãnh đạo Phòng	Công chức Phòng QLVR&BTTN/Phòng CN,TS&TY	1/2 ngày
B8	Xem xét văn bản xử lý trình Lãnh đạo CCKL/Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN/Phòng CN,TS&TY	1/2 ngày
B9	Xem xét, ký duyệt văn bản xử lý	Lãnh đạo CCKL/Lãnh đạo Sở NN&MT	1/2 ngày
B10	Đóng dấu, chuyển văn bản cho TTPVHCC	Bộ phận Văn thư	1/2 ngày
B11	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê, theo dõi	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		16 ngày làm việc

II. LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC

1. Nhóm 02 TTHC:

1.1. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học

1.2. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học.

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 27 ngày làm việc

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; lập Giấy biên nhận và hẹn trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo Phòng QLVR và BTTN, Chi cục Kiểm lâm	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVR và BTTN	1/2 ngày

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B3	Kiểm tra, thẩm tra hồ sơ; tham mưu trình thành lập Hội đồng thẩm định; chuẩn bị nội dung thẩm định	Công chức Phòng QLVR và BTTN	08 ngày
B4	- Tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế theo quyết định thành lập Hội đồng thẩm định - Tổng hợp kết quả thẩm định; dự thảo Tờ trình đề nghị cấp/cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận.	Hội đồng thẩm định; Phòng QLVR&BTTN (tham mưu)	14 ngày
B6	Xem xét hồ sơ; trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	01 ngày
B7	Xem xét, ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh quyết định	Lãnh đạo Sở NN và MT	01 ngày
B8	Đóng dấu, phát hành văn bản	Văn thư Sở	1/4 ngày
B9	Xem xét, ban hành Quyết định cấp/cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học; chuyển kết quả đến TTPVHCC.	Chủ tịch UBND tỉnh	02 ngày
B10	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê, theo dõi.	CCMC của Sở tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			27 ngày làm việc

2. Phê duyệt Phương án khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên (phục vụ các dự án, đề tài nghiên cứu khoa học cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật; phục vụ công tác đối ngoại theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ)

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 11 ngày làm việc.

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ theo quy định; lập Phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Phòng QLVR & BTTN, Chi cục Kiểm lâm	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVR & BTTN	1/2 ngày

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B3	Thẩm tra hồ sơ; đánh giá nội dung Phương án khai thác; kiểm tra thực địa (nếu cần theo hồ sơ); tổng hợp kết quả thẩm định; dự thảo Tờ trình và Quyết định phê duyệt Phương án khai thác	Công chức Phòng QLVR & BTTN	5,5 ngày
B4	Xem xét nội dung tham mưu; kiểm soát hồ sơ; hoàn thiện Tờ trình; trình Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Lãnh đạo Phòng QLVR & BTTN	1/2 ngày
B5	Kiểm tra hồ sơ; xem xét nội dung; trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	1/2 ngày
B6	Xem xét hồ sơ; ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Phương án khai thác	Lãnh đạo Sở NN&MT	1/2 ngày
B7	Phát hành văn bản trình UBND tỉnh	Văn thư Sở	1/4 ngày
B8	Xem xét, ký ban hành Quyết định phê duyệt Phương án khai thác; trường hợp không phê duyệt thì ban hành văn bản trả lời, nêu rõ lý do; chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ HCC	Chủ tịch UBND tỉnh	03 ngày
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; thống kê theo dõi	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời hạn
Tổng thời gian thực hiện			11 ngày làm việc

3. Thả động vật nuôi sinh sản tại cơ sở nuôi, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học về môi trường tự nhiên

Thời gian thực hiện TTHC: 16 ngày làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ theo quy định; lập Phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Phòng QLVR & BTTN	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	1/4 ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ:	Công chức phòng	2,5 ngày

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 09+10/ Ngày 12-02-2026

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, thông báo bằng văn bản cho cá nhân, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Tham mưu việc gửi văn bản tham vấn Cơ quan khoa học CITES Việt Nam, cơ quan chuyên môn của Bộ NN&MT, chuyên gia có liên quan và cơ quan có thẩm quyền quản lý khu vực dự kiến thả 	QLBVR&BTTN	
B4	Xem xét, cho ý kiến trả lời bằng văn bản	Cơ quan khoa học CITES Việt Nam; cơ quan chuyên môn Bộ NN&MT; chuyên gia; cơ quan quản lý khu vực dự kiến thả	10 ngày
B5	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp ý kiến Cơ quan khoa học CITES Việt Nam, cơ quan chuyên môn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, chuyên gia có liên quan và cơ quan có thẩm quyền quản lý khu vực dự kiến thả; - Thẩm tra lần cuối, dự thảo Quyết định phê duyệt Phương án thả động vật về môi trường tự nhiên hoặc văn bản từ chối (nêu rõ lý do) 	Phòng QLBVR&BTTN	02 ngày
B6	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở NN&MT văn bản xử lý	Lãnh đạo CCKL	1/4 ngày
B7	Xem xét, ký duyệt Quyết định phê duyệt Phương án thả động vật về môi trường tự nhiên hoặc văn bản từ chối.	Lãnh đạo Sở NN&MT	1/2 ngày
B8	Đóng dấu, chuyển văn bản cho TTPVHCC;	Văn thư Sở NN&MT	1/4 ngày
B9	<ul style="list-style-type: none"> - Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi. 	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			16 ngày làm việc